

Số: 462 /TB-BVU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc thu học phí trình độ đại học khóa tuyển sinh năm 2023 Học kỳ 2 năm học 2025-2026

Thực hiện Kế hoạch đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm học 2025-2026, Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu thông báo về việc thu học phí học kỳ 2 năm học 2025-2026 trình độ đại học khóa tuyển sinh năm 2023 như sau:

1. Mức thu học phí: Theo Phụ lục đính kèm.

2. Thời gian thu:

Sinh viên nộp học phí từ ngày **08/12/2025** đến ngày **25/12/2025**.

3. Cách thức nộp học phí:

Sinh viên chọn 1 trong 2 cách thức sau:

a) Nộp trực tuyến tại website <https://sinhvien.bvu.edu.vn/>.

b) Nộp tiền mặt tại tất cả các quầy giao dịch của Ngân hàng Sacombank theo hình thức nộp học phí của sinh viên Trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu.

***Lưu ý: Sinh viên chỉ chọn một trong hai cách thức nộp trên.**

4. Thời hạn chốt danh sách:

Sau thời hạn nộp học phí nêu trên, sinh viên đăng ký học phần nhưng chưa nộp học phí sẽ không có tên trong danh sách lớp học phần. Ngày **26/12/2025**, Nhà trường sẽ **hủy các học phần sinh viên chưa hoàn thành học phí**.

Các khoa, Trung tâm Trải nghiệm sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp kịp thời triển khai Thông báo này đến Cố vấn học tập để phổ biến đến tất cả sinh viên biết và thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Ban Giám hiệu
- Các đơn vị;
- Thông báo egov;
- Công thông tin SV;
- Lưu: VT.



PGS.TS Nguyễn Bá Hoàng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RI- VŨNG TÀU

Phụ lục

**HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2023**

(Đính kèm Thông báo số *462/TB-BVU* ngày *28* tháng 11 năm 2025)

DVT: đồng/tín chỉ

STT	Ngành	Môn đại cương và Chuẩn đầu ra	Môn chuyên ngành
I	Chương trình chuẩn		
1	Quản trị kinh doanh	810.000	900.000
2	Kế toán	810.000	900.000
3	Tài chính - Ngân hàng	810.000	900.000
4	Marketing	810.000	900.000
5	Kinh doanh quốc tế	810.000	900.000
6	Luật	810.000	900.000
7	Đông phương học	810.000	900.000
8	Ngôn ngữ Trung Quốc	810.000	900.000
9	Ngôn ngữ Anh	810.000	900.000
10	Tâm lý học	810.000	900.000
11	Công nghệ thông tin	810.000	900.000
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	810.000	900.000
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	810.000	900.000
14	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	810.000	900.000
15	Công nghệ kỹ thuật công trình XD	810.000	900.000
16	Công nghệ kỹ thuật hóa học	810.000	900.000
17	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	810.000	900.000
18	Quản trị khách sạn	810.000	900.000
19	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	810.000	900.000
20	Điều dưỡng	810.000	1.120.000
21	Dược học	810.000	1.380.000
II	Chương trình cử nhân tài năng		
22	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng – Cử nhân tài năng	810.000	1.350.000

*** Sinh viên học chậm tiến độ, học lại, nộp học phí theo biểu phí công bố của năm học hiện hành.**